

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THƯ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16 /8/2019
V/v: “ tranh chấp hôn nhân gia đình ”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thoan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Bình,
2. Ông Nguyễn Ngọc Ánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18/7/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 19xx

Nơi ĐKKHKT: Thôn xx, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình

2. *Bị đơn:* Anh **Đặng Đình D**, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Thôn xx, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh D có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/4/2019, bản tự khai đề ngày 13/5/2019 và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đặng Đình D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/8/2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh D ở thôn xx, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị sống không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên

nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm, anh D luôn nghi ngờ, hiểu lầm chị ngoại tình với người đàn ông khác nên đã đánh đập chị, vì vậy cuộc sống vợ chồng anh chị trở nên căng thẳng. Anh chị đã tự tìm các biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, gia đình, họ hàng và bạn bè hai bên đã nhiều lần hòa giải, động viên vợ chồng anh chị nhưng không có kết quả. Chị và anh D đã sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân không thể hàn gắn, không có khả năng đoàn tụ nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có một con chung là Đặng Thanh H , sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn, tại bản tự khai của mình, chị T đề nghị Tòa án giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng vì hiện tại chị đang ở trọ không ổn định, quê ngoại chị ở xa, không có anh em ruột thịt để giúp đỡ. Về vấn đề trợ cấp nuôi con, hiện tại chị đang là công nhân lương tháng không đều nên khi có điều kiện chị sẽ tự cấp dưỡng nuôi con. Tại buổi hòa giải của Tòa án ngày 13/5/2019, phần sửa đổi bổ sung theo yêu cầu của những người tham gia phiên hòa giải, chị Thảo đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Thanh H cho anh D mỗi tháng 800.000đồng(tám trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản: Vợ chồng chị không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay nợ chung tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức nào nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Theo Bản tự khai đề ngày 02/5/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn anh Đặng Đình D** trình bày quan điểm của mình như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian, điều kiện kết hôn anh nhất trí với ý kiến của chị T đã khai. Tuy nhiên vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến tháng 10/2018 thì chị Thảo bỏ bê gia đình chồng con, đặc biệt là có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, vợ anh đã 02 lần bỏ nhà đi, con gái nằm viện, vợ anh cũng bỏ mặc không về. Hiện nay anh chị đã sống ly thân, chị T đã thay số điện thoại nên anh không thể liên lạc được. Nay chị T muốn ly thì anh cũng xin Tòa án giúp đỡ cho vợ chồng anh được đoàn tụ, còn nếu chị T vẫn kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có một con chung là Đặng Thanh H, sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn, anh xin được nuôi con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Anh D trình bày từ khi kết hôn với chị Thảo, vợ chồng anh đều chung sống cùng bố mẹ đẻ của anh; hiện anh đang làm việc tại Công ty SkyPower, có địa chỉ ở khu công nghiệp N, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Thu nhập bình quân một tháng của anh D từ 5.000.000đồng đến 7.000.000đồng. Anh D xuất trình cho Tòa án 01 đơn xin xác nhận về điều kiện nơi ở và mức thu nhập hiện tại của anh, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Đ ngày 26/4/2019. Tại bản tự khai của anh D giao nộp cho Tòa án, anh D không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên, tại buổi hòa giải của Tòa án ngày 13/5/2019, anh D thay đổi quan điểm, anh yêu cầu chị T phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Thanh H cho anh mỗi tháng 800.000đồng(tám trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng anh không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại Bản trình bày ý kiến của đại diện gia đình, bà Trần Thị M, sinh năm 1962, cư trú tại: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Tuyên Quang, là mẹ đẻ của chị T trình bày:**

Chị T và anh D kết hôn năm 2014 do các anh chị tự nguyện. Quá trình chung sống, gia đình nhà chồng chị T thiếu sự cảm thông chia sẻ với chị T, nhất là về tình cảm, vì chị T đi lấy chồng xa nhưng gia đình nhà chồng và anh D không tạo điều kiện cho chị T thăm nom và qua lại gia đình. Ngoài ra, anh D và gia đình nhà chồng còn quản lý tất cả kinh tế, chị T không có quyền gì. Đôi khi, anh D cũng đánh mắng chị T. Thời gian gần đây, anh D thường đến công ty nơi chị T làm để đe dọa chị T, vì vậy chị T đã phải chuyển ra ngoài ở. Bà đề nghị Tòa án quan tâm giải quyết nhanh chóng vụ án ly hôn giữa chị T và anh D để đảm bảo sự an toàn cho chị T. Về con chung của chị T và anh D có 01 con chung là cháu Đặng Thanh H, sinh ngày 21/12/2014. Hiện nay con chung đang ở với anh D và bố mẹ đẻ anh D. Ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao con chung của anh chị theo nguyện vọng của chị T, anh D. Về tài sản chung của vợ chồng: Theo bà nắm bắt, chị T và anh D không có tài sản chung và khoản nợ chung nào.

*** Tại Bản trình bày ý kiến của đại diện gia đình, ông Đặng Xuân T, sinh năm 19xx, cư trú tại: Thôn xx, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình, là bố đẻ của anh D trình bày:**

Chị T và anh D kết hôn năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ do anh chị tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T anh D chung sống bình thường cùng gia đình ông tại xã Đ. Đến khoảng tháng 5/2018 thì chị T có biểu hiện ngoại tình với người đàn ông khác. Ông biết và đã nhắc nhở, nhưng chị T tiếp tục đi sâu hơn. Gia đình ông đã bỏ qua và khuyên bảo chị T thì chị T không nghe mà bỏ nhà đi ba lần, lần cuối là vào ngày 02-4-2019 đến nay không về. Quan điểm của ông và gia đình đối với việc chị T có đơn xin ly hôn anh D là: đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân của chị T anh D theo quy định pháp luật. Về con chung của chị T và anh D có 01 con chung là cháu Đặng Thanh H, sinh ngày 21/12/2014. Hiện nay con chung đang ở với anh D và gia đình ông T. Ly hôn, ông đề nghị Tòa án giao con chung cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Gia đình ông cam đoan về nơi ở ổn định, đảm bảo điều kiện vật chất tốt nhất cho cháu Đặng Thanh H. Mặt khác, gia đình ông (là ông bà nội của cháu H) có thời gian và sức khỏe để đưa đón cháu H đi học và chăm sóc cháu H trong thời gian bố cháu là anh Đặng Đình D đi làm tại khu công nghiệp N, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Ông T cũng khẳng định việc anh D hiện đang làm công nhân tại công ty có địa chỉ nêu trên và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng tốt cháu H. Về tài sản chung của vợ chồng anh D chị T: Ông T trình bày và có quan điểm như lời trình bày của anh Đặng Đình D.

*** Qua xác minh với Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/5/2019 thì thấy:**

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Đình D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/8/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống với nhau tại gia đình anh D ở thôn xx, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng anh chị chung sống không hạnh phúc, thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh D nghi ngờ chị T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau. Từ đó cuộc sống vợ chồng anh chị trở nên căng thẳng, gia đình, họ hàng hai bên đã cùng với chính quyền địa phương khuyên bảo anh chị nhưng không có kết quả. Đến đầu năm 2019, chị T đã bỏ nhà đi, anh chị sống ly thân. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh D thì địa phương đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật vì hôn nhân của anh chị không hàn gắn được. Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là Đặng Thanh H, sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ con chung theo nguyện vọng của anh chị và theo quy định của pháp luật. Về tài sản: Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, anh chị cũng không có khoản nợ chung nào ở địa phương nên đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản theo quy định của pháp luật.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm:**

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, từ việc viết bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ. Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh D đã đến tham gia phiên tòa nhưng kết thúc phần thủ tục bắt đầu phiên tòa anh D đã tự ý bỏ về không có lý do. Anh D cũng không xin phép và được sự đồng ý của Hội đồng xét xử. Căn cứ các Điều 227, 228 và 267 Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

- Về nội dung và quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị:

+ Quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Đình D.

+ Quan hệ con chung: Chị T và anh D có một con chung là Đặng Thanh H, sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn đề nghị Tòa án giao con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng và chấp nhận việc chị T cấp dưỡng nuôi con chung cho anh D 800.000đồng(tám trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm thể chất và tâm thần.

+ Quan hệ tài sản: không đặt ra giải quyết.

+ Chị Thảo phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đặng Đình D và đề nghị giải quyết việc nuôi con khi ly hôn nên đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh Đặng Đình D có nơi cư trú tại: Thôn xx, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn. Anh Đặng Đình D có mặt tại phiên tòa cho đến khi kết thúc phần Thủ tục bắt đầu phiên tòa và có quan điểm: Anh không chấp nhận việc chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa vì lý do chị T là nguyên đơn. Hội đồng xét xử đã giải thích cho anh D quy định của pháp luật về việc chị T vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt thuộc trường hợp Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự. Anh D đã nghe Hội đồng xét xử giải thích xong, tuy nhiên anh D không đồng ý và tự bỏ về, không tham gia phiên tòa mà không có lý do, mặc dù Hội đồng xét xử đã nêu rõ việc anh Doanh tự ý bỏ về Tòa án vẫn tiếp tục xét xử vụ án và tuyên án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 267 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 và Điều 267 Bộ luật tố tụng Dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Đình D kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 21/8/2014 là hôn nhân hợp pháp. Do vợ chồng thiếu tin tưởng, hiểu lầm, nghi ngờ lẫn nhau nên từ cuối năm 2018 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau. Từ cuối năm 2018, anh chị đã sống ly thân với nhau, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, không còn liên lạc, quan tâm đến nhau nữa, cũng không có biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Khi trình bày quan điểm với Tòa án, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và không có khả năng đoàn tụ nên kiên quyết xin ly hôn với anh D. Anh D có nguyện vọng xin đoàn tụ với chị T, Tòa án đã chấp nhận gia hạn theo đơn đề nghị của anh D, nhưng anh D lại không đưa ra được biện pháp nào để cải thiện tình cảm vợ chồng. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện tình cảm vợ chồng chị T anh D đã rạn nứt từ lâu, đến cuối năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng, không có khả năng đoàn tụ. Nay chị T xin ly hôn anh D, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật.

Xét đời sống chung của vợ chồng chị T và anh D đã chấm dứt trên thực tế, thực trạng vợ chồng không còn tình cảm quan hệ vợ chồng nữa, mục đích hôn nhân

không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Đình D.

[4] Về quan hệ con chung: Chị T và anh D có một con chung là Đặng Thanh H, sinh ngày 21/12/2014. Ly hôn anh D và gia đình anh D có nguyện vọng xin nuôi dưỡng con chung. Chị T có quan điểm: do chị chưa có chỗ ở ổn định nên chị đề nghị Tòa án giao con chung của anh chị cho anh D nuôi dưỡng. Chị T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung 800.000 đồng một tháng cho anh D cho đến khi con chung trưởng thành. Xét nguyện vọng và điều kiện nuôi dưỡng con chung của anh D thì thấy: Anh D và cháu Đặng Thanh H đang có nơi ở ổn định cùng bố mẹ đẻ của anh D là ông Đặng Xuân T và bà Trần Thị H tại thôn xx, xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình. Bản thân anh D có công việc và có thu nhập từ năm triệu đến bảy triệu đồng một tháng. Cháu H hiện đang được ông bà nội và bố nuôi dưỡng chăm sóc, hiện cháu đang đi học ổn định. Theo lời trình bày của ông Đặng Xuân T là bố đẻ anh D, thì vợ chồng ông có thời gian và điều kiện giúp đỡ anh D chăm sóc tốt cho cháu H - điều này được cả chị T, anh D và bố đẻ anh D cũng như chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng của anh Đặng Đình D: Giao con chung của chị T và anh D là cháu Đặng Thanh H cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị T cấp dưỡng cho anh D 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) một tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm thể chất và tâm thần.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Đặng Đình D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273, 482 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đặng Đình D.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung là Đặng Thanh H, sinh ngày 21/12/2014 cho anh Đặng Đình D tiếp tục nuôi dưỡng. Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng) một tháng, kể từ tháng 9 năm 2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không bị nhược điểm thể chất và tâm thần.

Chị Nguyễn Thị T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Việc yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi có yêu cầu.

3. Về quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị Nguyễn Thị T đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003349 ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí. Chị Nguyễn Thị T còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai sơ thẩm, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho biết: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/8/2019.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Vũ Đoài, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thoan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thoan

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Thị Thoan